PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

TÊN SẢN PHẨM NATRI HYPOCLORIT

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

- Tên thường gọi của chất: Javen - Tên thương mại: Sodium hypochlorite	Mã sản phẩm (nếu có):
- Tên khác (không là tên khoa học): - Số CAS: 7681-52-9 - Số UN: 1791 - Số đăng ký EC (nếu có):	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: **CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC** Địa chỉ: Nhà số 9 Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam Email: hoachatthinhphuc@gmail.com Hotline: 0833 299 222 Website: www.hoachatthinhphuc.vn
- Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối): **CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC** Địa chỉ: Nhà số 9 Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam	
- Mục đích sử dụng: được sử dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp hóa chất, xử lý nước…	

PHẦN II: THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thông thường	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% trọng lượng)
Natri hypochlorite	7681-52-9	NaOCl	(10±1)%

PHẦN III: NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm: Phân loại theo GHS (EU, Mỹ, OSHA…)

Theo **HMIS (Mỹ)**

- Nguy hiểm đến sức khỏe: 3
- Nguy hiểm về cháy: 0 - Độ hoạt động: 0

2. Các yếu tố ghi nhãn theo GHS (Cảnh báo nguy hiểm, hướng dẫn sử dụng, bảo quản): **Cảnh báo:Nguy hiểm!**

- Nguy hiểm khi tiếp xúc: gây bỏng da vùng tiếp xúc.
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: Tránh dây vào người, thiết bị chứa bằng nhựa hoặc thủy tinh, không dò rỉ, thận trọng khi vận chuyển sử dụng.

3. Các thông tin nguy hại khác (nếu có): đường tiếp xúc và triệu chứng -

Đường mắt: Gây bỏng niêm mạc, tấy đỏ có thể dẫn đến mù lòa.

- Đường thở : Gây khó chịu.
- Đường da: Ngứa da, rát đỏ, nhớt.
- Đường tiêu hóa: Đau bụng, nôn mửa.

4. Đối với môi trường: Độc đối với đời sống thủy sinh.

PHẦN IV: BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1.1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt) :

Kiểm tra và loại bỏ bất kỳ kính áp tròng nào. Trong trường hợp tiếp xúc, rửa mắt ngay lập tức với nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Có thể sử dụng nước lạnh. Nhận chăm sóc y tế ngay lập tức.

1.2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da) :

Trong trường hợp tiếp xúc, ngay lập tức rửa sạch da bằng nhiều nước trong ít nhất 15 phút trong khi loại bỏ quần áo nhiễm bẩn. Che phủ bề mặt da mẫn ngứa với chất làm mềm da. Có thể sử dụng nước lạnh. Làm sạch kỹ lưỡng quần áo trước khi sử dụng lại. Nhận chăm sóc y tế ngay lập tức

1.3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Nếu hít phải, đưa nạn nhân đến khu vực không khí trong lành. Nếu không thở, hô hấp nhân tạo. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxi. Nới lỏng quần áo chặt chẽ như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc dây thắt lưng. Nhận chăm sóc y tế ngay lập tức.

1.4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống, nuốt nhầm hóa chất):

KHÔNG gây nôn trừ khi được nhân viên y tế chỉ dẫn làm như vậy. Không bao giờ cho bất cứ điều gì vào miệng một bất tỉnh người. Nới lỏng quần áo chặt chẽ như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc dây thắt lưng. Nếu nạn nhân còn tỉnh, cho nạn nhân uống thật nhiều nước (nếu cần có thể uống tới vài lít nước). Nhận chăm sóc y tế nếu các triệu chứng xuất hiện **2. Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này:**

Chất này có thể độc hại đối với phổi, màng nhầy, da, mắt. Lặp đi lặp lại hoặc kéo dài tiếp xúc với chất này có thể gây ra tổn thương cơ quan đích. Tiếp xúc nhiều lần hoặc lâu dài với sương phun có thể tạo ra kích thích mắt mãn tính và kích ứng da nghiêm trọng. Tiếp xúc nhiều lần

hoặc kéo dài với sương mù có thể tạo ra đường hô hấp kích ứng dẫn đến các cuộc tấn công thường xuyên của nhiễm trùng phế quản

3. Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết: Chưa có thông tin

PHẦN V: BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Các phương tiện chữa cháy thích hợp: Các phương tiện chữa cháy

2. Các chất độc được sinh ra khi bị cháy: khí HOCl, Cl_2

3. Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy: Mũ chùm đầu, quần áo chống thấm nước, ủng , gang tay cao su, mặt nạ phòng độc thích hợp.

4. Ghi chú đặc biệt về nguy cơ cháy:

Phát hành clo khi làm nóng trên 35 độ. C. Bản thân chất này không cháy và không cháy. Tuy nhiên, khi nóng để phân hủy nó phát ra khói ăn mòn và / hoặc độc hại. Có thể đốt cháy chất dễ cháy. Sức nóng của phản ứng với chất dễ cháy hoặc vật liệu hữu cơ có thể gây cháy. Nó có thể là một nguy cơ cháy khi tiếp xúc với vật liệu hữu cơ. Tiếp xúc với kim loại có thể phát triển khí hydro dễ cháy.

5. Các chú thích đặc biệt về nguy cơ nổ: Natri Hypochlorite khan rất dễ nổ. Amin chính và canxi hypochlorite hoặc sodium hypochlorite phản ứng để tạo thành chloroamines bình thường, dễ nổ. Tương tác của ethyleneimine với natri (hoặc khác) hypochlorite cho nổ N-chloro cmpd. Loại bỏ axit formic từ các dòng chất thải công nghiệp với dung dịch natri hypochlorite trở thành nổ ở 55 độ C. Một số vụ nổ liên quan đến methanol và sodium hypochlorite là do sự hình thành methyl hypochlorite, đặc biệt là sự hiện diện của axit hoặc chất xúc tác este hóa khác. Sử dụng natri hypochlorite soln để tiêu diệt axit hóa dư lượng cyanua benzyl gây ra một vụ nổ dữ dội, được cho là do sự hình thành của triclorua nitơ. (Natri hypochlorite)

PHẦN VI: BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố:
Tuân theo tất cả các quy định tương ứng của địa phương và quốc tế. Tránh tiếp xúc với các vật liệu bị tràn đổ hay thất thoát. Cách ly khu vực nguy hiểm và không cho những người không có nhiệm vụ hay không được bảo vệ vào khu vực này. Đứng ở đầu gió và tránh những khu vực thấp. Ngăn chặn sự rò rỉ nếu có thể và không gây nguy hiểm. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy nổ trong khu vực xung quanh. Sử dụng các vật liệu có khả năng hấp thụ (hấp thụ sản phẩm hay mức nước chữa cháy) để tránh làm nhiễm môi trường. Ngăn chặn sự lan rộng hay đi vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất hay các vật chắn phù hợp khác. Cố gắng phân tán hơi hay hướng dòng của nó vào một vị trí an toàn. Phải thông báo cho chính quyền địa phương nếu không khống chế được lượng sản phẩm bị đổ tràn ra. **1.1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ**

- Dùng các vật liệu khô, trơ như đất, cát... hấp thụ và xử lý chất thải phù hợp, rồi dùng nước xối rửa sạch nơi tràn chảy hóa chất.

1.2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

- Ngăn chặn sự phát sinh tràn đổ, rò rỉ nếu không nguy hiểm. Đào, vây cô lập khu vực, ngăn chặn vào cống, tầng hầm hoặc khu vực hạn chế. Dùng dụng cụ thu gom tối đa phần bị đổ ra.
- Hấp thụ với đất khô, cát hoặc vật liệu không cháy khác phần đổ, tràn rồi xử lý chất thải theo quy định của nhà nước, rồi dùng nước xối rửa sạch nơi tràn chảy hóa chất.
- Báo cáo với các cơ quan chức năng để nhận được sự hỗ trợ về hóa chất, nhân lực để xử lý. - Liên hệ với nhà cung ứng khi có sự cố rò rỉ lớn xảy ra.

2. Các cảnh báo về môi trường: Chất rò rỉ có thể gây ô nhiễm. Cần phải có biện pháp phòng ngừa để ngăn chặn việc đưa vào cống rãnh.

3. Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi sự cố sảy ra: Chứa và thu hồi chất lỏng khi có thể. Dư lượng từ sự cố tràn có thể được pha loãng với nước, có thể trung hòa với axit axetic loãng. Hấp thụ với đất khô, cát hoặc vật liệu không cháy khác.và đặt trong một thùng chứa chất thải hóa học để xử lý.

- Biện pháp phòng ngừa đặc biệt: Không xả cặn ăn da vào hệ thống thoát nước. Đừng lấy nước bên trong cac thùng chứa.

PHẦN VII: YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

- Tránh sự tiếp xúc trực tiếp với da và mắt. Trong trường hợp không đủ thông gió, đeo thiết bị hô hấp phù hợp. Nếu nuốt phải, tìm tư vấn y tế ngay và đưa cho thấy bình đựng chất hay nhãn hiệu này.
- Thay đồ bảo hộ sau khi hoàn tất công việc.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

- Bảo quản: Có thể bảo quản dưới áp suất thấp. Nhạy với ánh sáng. Phải có thời hạn bảo quản.
- Tồn trữ: Đậy kín nút. Tránh tiếp xúc với ánh sáng mặt trời, để nơi thoáng mát.
- Có thể bị phân hủy tạo thành các sản phẩm khí, đặc biệt là khi bảo quản trong một thời gian dài. Đóng các bình chứa sao cho áp suất bên trong có thể thoát ra ngoài. (sử dụng van an toàn) - Không để cùng các chất hữu cơ (rơm, vỏ bào, mùn cưa, giấy), chất oxi hoá, chất dễ cháy, nổ trong cùng một kho với hoá chất. Riêng biệt với axit, kiềm, chất khử và chất dễ cháy. Xem NFPA 43A, Mã lưu trữ chất lỏng và chất oxy hóa rắn. Không lưu trữ trên 20 ° C (68 ° F).
- Yêu cầu đối với các phòng chứa và bình chứa: Bình chứa không làm bằng kim loại.

PHẦN VIII: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các thông số kiểm soát (VD: Ngưỡng giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp, ngưỡng giới hạn các chỉ số sinh học) Giới hạn phơi nhiễm:

Sodium hypochlorite	TWA: 1 CEIL: 1 (ppm as Cl2)
	STEL: 1 (ppm as Cl2) từ ACGIH (TLV) [Hoa Kỳ]
	STEL: 2 (mg / m3) từ ACGIH (TLV) [Hoa Kỳ]
	TWA: 2 CEIL: 2 (mg / m3) từ OSHA (PEL) [Hoa Kỳ]
	CEIL: 2 (mg /m3) từ NIOSH

- Tất cả công nhân nên được đào tạo đúng cách trong quy trình xử lý an toàn và thủ tục sơ cứu cần thiết. Khi làm việc phải thông thoáng kho, tiếp xúc phải có trang bị bảo vệ cá nhân để giữ cho nồng độ hơi trong không khí dưới mức giới hạn ngưỡng của chúng. Không hút thuốc, ăn uống trong khi làm việc .
- Trang bị bảo vệ cá nhân, phương tiện làm việc phải làm sạch trước và sau khi sử dụng.

2. Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp:

- Các thiết bị bảo hộ cá nhân: Quần áo bảo hộ nên chọn phù hợp với nơi làm việc, phụ thuộc vào nồng độ và hàm lượng các chất độc thao tác. Độ bền với hóa chất của quần áo bảo hộ phải được xác định với người cung cấp.
- Bảo vệ hô hấp:khẩu trang hoạt tính, mặt nạ phòng độc. - Bảo vệ mắt: kinh bảo hộ.
- Bảo vệ tay: găng tay cao su.
- Các thiết bị bảo hộ khác: Quần áo bảo hộ thích hợp.
- Vệ sinh công nghiệp: Thay quần áo bị nhiễm hoá chất ngay lập tức. Sử dụng kem bảo vệ da, rửa tay và mặt sau khi làm việc với các hoá chất.

3. Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân:

Mặt nạ phòng độc, quần áo chống thấm, găng tay cao su, ủng, hoặc bộ quần áo chum người có dưỡng khí…

PHẦN IX: ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT	
Trạng thái vật lý: chất lỏng	Điểm sôi (^{0}C): Giá trị thấp nhất được biết là 100 ° C (212 ° F) (Nước)
Màu sắc: mầu vàng nhạt	Điểm nóng chảy (^{0}C): Chưa có thông tin
Mùi đặc trưng: mùi hắc, giống mùi clo	Điểm cháy (^{0}C) (Flash point): không phù hợp
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Nhiệt độ tự cháy (^{0}C): không phù hợp
Tỷ trọng hơi (không khí =1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không phù hợp
Độ hòa tan trong nước: hoàn toàn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không phù hợp
Độ pH: (100 g / l): 12 [Cơ bản.]	Tỷ lệ hoá hơi: chưa có thông tin
Khối lượng riêng: 1.155 kg/m3 ở 25 ºC	Các tính chất khác (nếu có)

PHẦN X: MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định

Không cao, là một chất oxy hóa mạnh. Kém bền, dễ bị phân hủy bởi acid và giải phóng ra khí Clo. Bị phân hủy mạnh bởi tác dụng của các kim loại nặng như Fe, Ni, Co, Cu, Mn hay oxyt của chúng, dễ bị phân hủy dưới tác dụng của ánh sáng và nhiệt độ, nhất là môi trường có pH<6 **2. Khả năng phản ứng:**

Không tương thích với amoni axetat, amoni cacbonat, amoni nitrat, amoni oxalat, và ammonium phosphate. Việc phân hủy natri hypochlorite diễn ra trong vòng vài giây với các muối này. Cũng thế không tương thích với các amin chính, phenyl axetonitril, etylenimin, metanol, axít xyanua benzyl, axit formic, urê, hợp chất nitro, methylscellulose, celloluse, aziridin, ether, amoniac. Trộn sản phẩm này với hóa chất (ví dụ amoniac, axit, chất tẩy rửa, vv) hoặc chất hữu cơ (ví dụ như nước tiểu, phân, vv) sẽ giải phóng khí clo. Khí Chloramine có thể là phát triển khi amoniac và thuốc tẩy được trộn lẫn. Bị phân hủy bởi nước nóng. Nhạy cảm với ánh sáng. - Phản ứng trùng hợp: không xảy ra

3. Phản ứng nguy hiểm: Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): ăn mòn da, phản ứng với acid, kim loại và các muối kim loại.

4. Các điều kiện cần tránh: nhiệt và vật liệu không tương thích.

5. Vật liệu không tương thích: Cực kỳ ăn mòn trong sự hiện diện của nhôm. Ăn mòn vừa phải với sự có mặt của thép không gỉ (304), bằng thép không gỉ (316). Không bị ăn mòn khi có mặt thủy tinh.

6. Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy: khí clo

PHẦN XI: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

1. Thông tin về các đường phơi nhiễm khác nhau: Độc tính đối với động vật:

Độc tính cấp theo đường miệng (LD50): 5800 mg / kg [Chuột]. (Sodium hypochlorite).

Tác dụng mãn tính trên con người:

Tác dụng gây ung thư: Phân loại 3 (Không thể phân loại cho con người.) Bởi IARC. - Hít phải: Gây kích ứng. Ảnh hưởng từ việc hít phải sương mù, thay đổi từ kích ứng nhẹ đến nghiêm trọng đường hô hấp trên, tùy thuộc vào mức độ phơi nhiễm. Các triệu chứng có thể bao gồm hắt hơi, đau họng hoặc sổ mũi. Viêm phổi nặng có thể xảy ra.

- Tiếp xúc bằng mắt: Vô cùng khó chịu / ăn mòn. Tiếp xúc với chất lỏng gây đau, đỏ, mờ tầm nhìn và bỏng sâu nặng.
- Tiếp xúc với da: Ăn mòn! Tiếp xúc với da có thể gây kích ứng
- Nuốt phải: Ăn mòn! Nuốt có thể gây bỏng nặng ở miệng, cổ họng và dạ dày. Nghiêm trọng có thể gây sẹo mô và tử vong. Các triệu chứng có thể bao gồm chảy máu, nôn mửa, tiêu chảy, giảm huyết áp. Thiệt hại có thể xuất hiện vài ngày sau khi tiếp xúc.

2. Tác hại tức thì, tác hại lâu dài và những ảnh hưởng mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn: Có thể gây kích ứng nghiêm trọng và bỏng da và mắt. Tiếp xúc với da cũng có thể gây ra mụn nước và viêm da. Tiếp xúc mắt kéo dài hoặc lặp đi lặp lại có thể gây ra viêm kết mạc. Nuốt phải gây bỏng cho đường tiêu hóa

3. Các triệu chứng liên quan đến tính độc hại của hóa chất và độc sinh thái: Nó độc hại đối với cá và sinh vật dưới nước

4. Liệt kê những thông số về độc tính (ước tính mức độ độc cấp tính): Rất nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da (kích thích), khi nuốt phải. Nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da (ăn mòn), tiếp xúc với mắt (ăn mòn), hít phải (ăn mòn phổi).

PHẦN XII: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc môi trường (nước và trên cạn)

- Nó độc hại đối với cá và sinh vật dưới nước -

BOD5 và COD: Không có sẵn.

2. Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy: Bản thân sản phẩm và các sản phẩm thoái hóa của nó không độc hại. **3.**

Khả năng tích lũy sinh học:

Các sản phẩm suy thoái ngắn hạn có thể nguy hiểm là không có khả năng. Tuy nhiên, các sản phẩm suy thoái dài hạn có thể phát sinh

4. Độ linh động trong đất: Chưa có thông tin

5. Các tác hại khác: Độc tính của thủy sinh vật sẽ bị ảnh hưởng là độ kiềm của nước tiếp nhận. Ảnh hưởng độc hại phụ thuộc vào chỉ số pH.

PHẦN XIII: THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

1. Các loại chất thải và các thông tin xử lý an toàn:
Bất cứ điều gì không thể được lưu để phục hồi hoặc tái chế nên được xử lý như chất thải nguy hại và được gửi đến một cơ sở xử lý chất thải đã được phê duyệt. Bất kỳ hành vi xử lý nào phải nằm trong tuân thủ tất cả các quy định của địa phương, khu vực và quốc gia. Không đổ vào bất kỳ hệ thống cống rãnh nào, trên mặt đất, hoặc vào bất kỳ nguồn nước nào

- Hoá chất hết hạn hoặc mất phẩm chất phải được xử lý, nếu huỷ bỏ phải tuân thủ quy định nhà nước hiện hành.
- Xếp loại nguy hiểm của chất thải : chưa có thông tin

2. Các biện pháp thải bỏ (có tính đến bao bì nhiễm độc): tuân theo quy định của nhà nước hiện hành

PHẦN XIV: Quy định về vận chuyển

Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Độc môi trường	Vận chuyển trong tàu lớn	Những cảnh báo đặc biệt
1791	Sodium hypochlorite	Nhóm 8 chất ăn mòn	III	Chưa có thông tin		Chưa có thông tin

PHẦN XV: THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất Quy định pháp luật phải tuân thủ:
Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.
Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất số 06/2007/QH12 và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.
Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09 tháng 06 năm 2016 của Bộ Khoa học công nghệ qui định Trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất Oxy hóa, các hợp chất oxit hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.
Và các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.
Các quy định khác: OSHA: Nguy hiểm theo định nghĩa về tiêu chuẩn truyền thông nguy hiểm

(29 CFR 1910.1200).

Phân loại khác:

WHMIS (Canada):

CLASS C: Chất oxy hóa. LỚP E: Chất lỏng ăn mòn. **DSCL**

(EEC):

R8- Tiếp xúc với vật liệu dễ cháy có thể gây cháy. R31- Tiếp xúc với axit giải phóng khí độc. R34- Gây bỏng. S26- Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, ngay lập tức rửa sạch bằng thật nhiều nước và xin ý kiến thầy thuốc. S28- Sau khi tiếp xúc với da, rửa ngay lập tức với nhiều nước. S36 / 37 / 39- Mặc quần áo bảo hộ, găng tay và bảo vệ mắt / mặt phù hợp. S45- Trong trường hợp tai nạn hoặc nếu bạn cảm thấy không khỏe, tìm tư vấn y tế ngay lập tức (hiển thị nhãn nếu có thể).

HMIS (Hoa Kỳ):

Nguy hiểm sức khỏe: 3

Nguy cơ cháy: 0

Khả năng phản ứng: 0 **Bảo**

vệ cá nhân:

Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia (Mỹ):

Y tế: 3

Tính dễ cháy: 0 **Khả**

năng phản ứng: 0

Nguy hiểm cụ thể:

Thiết bị bảo vệ:

Găng tay. Áo khoác phòng thí nghiệm. Mặt nạ hơi. Đảm bảo sử dụng mặt nạ được chứng nhận hoặc tương đương. Mang khẩu trang thích hợp khi thông gió không đủ.

PHẦN XVI: Thông tin khác

Ngày tháng biên soạn phiếu: 01/06/2024

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tuỳ theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.